

Số: 138 /BC-UBND

Hoài Nhơn, ngày 14 tháng 6 năm 2018

**BÁO CÁO**

**Quyết toán ngân sách địa phương năm 2017; tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách, kế hoạch đầu tư XDCB 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2018**

**PHẦN THỨ I:  
QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017**

<b>I. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:</b>	<b>1.016.145.686.244</b>	<b>đồng</b>
<b>II. Thu ngân sách địa phương (huyện, xã):</b>	<b>1.002.386.829.770</b>	<b>đồng</b>
1. Thu ngân sách huyện, xã hưởng theo phân cấp:	322.147.444.279	đồng
2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên:	568.351.657.744	đồng
3. Thu kết dư ngân sách năm trước:	18.346.962.575	đồng
5. Thu chuyển nguồn:	93.300.160.572	đồng
6. Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên:	240.604.600	đồng
<b>III. Chi ngân sách địa phương (huyện, xã):</b>	<b>965.361.730.051</b>	<b>đồng</b>
1. Chi đầu tư phát triển:	167.044.934.847	đồng
2. Chi thường xuyên:	517.420.542.663	đồng
3. Chi bổ sung ngân sách cấp dưới:	178.246.400.174	đồng
4. Chi chuyển nguồn:	97.083.126.412	đồng
5. Chi nộp ngân sách cấp trên:	3.090.607.955	đồng
7. Chi từ nguồn dự phòng chi:	2.476.118.000	đồng
<b>IV. Kết dư ngân sách:</b>	<b>37.025.099.719</b>	<b>đồng</b>
<i>Trong đó:</i>		
1. Kết dư ngân sách huyện:	19.108.227.227	đồng
2. Kết dư ngân sách xã, thị trấn:	17.916.872.492	đồng

(Chi tiết theo Phụ lục 01, 02 đính kèm)

**PHẦN THỨ II:**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU – CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG**  
**ĐẦU NĂM VÀ NHIỆM VỤ NGÂN SÁCH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2018**

Sau khi có Nghị quyết HĐND, UBND huyện đã tổ chức hội nghị giao chỉ tiêu về kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách địa phương năm 2018, đồng thời đề ra các giải pháp tổ chức thực hiện cho các ngành, địa phương trên địa bàn.

**I. Tình hình thực hiện dự toán thu – chi ngân sách 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2018:** *(Chi tiết theo phụ lục 03 đính kèm)*

**1. Tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách 6 tháng đầu năm 2018:**

Tổng thu NSNN trên địa bàn 06 tháng đầu năm là: 164.822 triệu đồng, đạt 60% so với chỉ tiêu tỉnh giao, đạt 47% so với Nghị quyết HĐND huyện và bằng 112% so với số thu cùng kỳ năm trước. Cụ thể như sau:

**\* Các chỉ tiêu thu ước đạt và vượt tiến độ so với dự toán tỉnh và huyện giao như:**

Thuế nhà đất; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 416 triệu đồng, đạt 69% dự toán năm và bằng 115% số thu cùng kỳ năm trước; Phí, lệ phí: 4.545 triệu đồng, đạt 61% dự toán năm và bằng 81% số thu cùng kỳ năm trước; Thu tiền cho thuê đất và tài sản thuộc sở hữu Nhà nước: 2.387 triệu đồng, đạt 60% dự toán huyện giao và bằng 57% số thu cùng kỳ năm trước; Thu khác ngân sách: 10.739 triệu đồng, đạt 59% dự toán huyện giao và bằng 127% số thu cùng kỳ năm trước.

**\* Các chỉ tiêu thu ước đạt thấp tiến độ so với dự toán như:**

Thu thuế Công thương nghiệp ngoài quốc doanh: 66.395 triệu đồng, đạt 48% dự toán năm và bằng 115% số thu cùng kỳ năm trước; Thu lệ phí trước bạ: 11.733 triệu đồng, đạt 49% dự toán năm và bằng 184% số thu cùng kỳ năm trước; Thu cấp quyền sử dụng đất: 58.700 triệu đồng, đạt 42% dự toán năm và đạt 106% số thu cùng kỳ năm trước; Thu thuế thu nhập cá nhân: 9.907 triệu đồng, đạt 47% dự toán huyện giao và bằng 114% số thu cùng kỳ năm trước.

**\*Nguyên nhân một số chỉ tiêu thu chưa đạt kế hoạch:**

- Tình hình kinh doanh của một số doanh nghiệp trọng điểm hoạt động ở các lĩnh vực như: dăm gỗ, khai thác đá xây dựng, ... trên địa bàn huyện có phần giảm và chững lại so với các năm trước.

- Công tác quản lý thu tiền thuê đất: lỏng lẻo, chưa đảm bảo theo quy định, chưa kịp thời tham mưu cấp thẩm quyền điều chỉnh đơn giá để tính thu tiền thuê đất theo quy định tại Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ.

- Một số doanh nghiệp trọng điểm hoạt động ở các lĩnh vực như: gỗ, may mặc: Trong 6 tháng đầu năm thực hiện xuất khẩu trực tiếp chiếm tỷ trọng lớn khoảng trên 176 tỷ đồng (không phát sinh thuế giá trị gia tăng phải nộp ngân sách nhưng lại được khấu trừ thuế đầu vào).

- Chi cục thuế chưa tập trung quyết liệt trong công tác giám sát kê khai thuế để khai thác, huy động nguồn thu kịp thời cho ngân sách.

## **2. Về chi ngân sách:**

- Tổng chi NSNN trên địa bàn 6 tháng đầu năm là: 345.913 triệu đồng, đạt 55% dự toán năm. Trong đó:

+ Chi đầu tư phát triển : 44.641 triệu đồng, đạt 29%.

+ Chi thường xuyên : 301.272 triệu đồng, đạt 65%.

- Chi đầu tư xây dựng cơ bản đạt 29% so với dự toán giao. Nguyên nhân: Trong 6 tháng đầu năm 2018, chủ yếu là chi trả nợ XD/CB các công trình đã hoàn thành và thanh toán kinh phí giải phóng mặt bằng cho một số công trình chuyển tiếp sang năm 2018. Còn các công trình triển khai xây dựng mới đang triển khai hoàn thiện các thủ tục đầu tư nên chưa đủ điều kiện để thanh toán.

- Chi thường xuyên 6 tháng đầu năm đạt 65% so với dự toán huyện giao. Tăng chi thường xuyên 6 tháng đầu năm chủ yếu là từ nguồn thu bổ sung có mục tiêu của tỉnh để chi các nội dung sau: Kinh phí thực hiện hỗ trợ và phát triển đất trồng lúa (6.271 trđ); Kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội (539 trđ); Kinh phí thực hiện chính sách theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 55/2015/QĐ-UBND của UBND tỉnh (461 trđ); Kinh phí trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến theo QĐ số 24/2016/QĐ-TTg ngày 14/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ (1.238 trđ); Kinh phí thực hiện Chương trình kiên cố hóa kênh mương năm 2016 (179 trđ);...

Tóm lại, về cơ bản chi ngân sách 6 tháng đầu năm được điều hành hợp lý, bám sát dự toán đầu năm nhất là chi thường xuyên; giải quyết kịp thời kinh phí Chương trình mục tiêu, bảo đảm chính sách an sinh xã hội, thực hiện tốt chính sách người có công với cách mạng. Xử lý kịp thời những bức xúc về nhu cầu vốn đầu tư phục vụ công tác GPMB để triển khai các dự án xây dựng. Thực hiện tốt cơ chế tự chủ về biên chế và kinh phí, phát huy tính chủ động của các đơn vị dự toán trong việc quản lý, sử dụng kinh phí, nâng cao ý thức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

## **3. Nhiệm vụ ngân sách 06 tháng cuối năm:**

Để hoàn thành nhiệm vụ ngân sách 06 tháng cuối năm 2018, đòi hỏi cần có những biện pháp, giải pháp đồng bộ trong chỉ đạo điều hành thực hiện. Cụ thể:

### **3.1/ Về thu ngân sách:**

#### **- Chi Cục thuế huyện:**

+ Đẩy mạnh thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính trên lĩnh vực thuế; chủ động rà soát, sắp xếp công tác tổ chức cán bộ nhằm đổi mới, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ Ngành thuế, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

+ Chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thu thuế đối với việc xây dựng nhà ở riêng lẻ.

+ Chủ động khai thác nguồn thu, phối hợp với Đội Quản lý thị trường và các ngành có liên quan kiểm tra, kiểm soát thu thuế đối với các đối tượng buôn bán hàng

hóa lưu động, các điểm kinh doanh tự phát, nhà hàng, khách sạn, karaoke, dịch vụ tiệc cưới,...

+ Chủ động phối hợp với Hợp tác xã vận tải Hoài Nhơn, Công an huyện thực hiện công tác quản lý, thu thuế đối với các đơn vị dịch vụ vận tải, làm việc với chủ xe để yêu cầu kê khai, nộp thuế theo quy định (kể cả thu nợ thuế và số thuế phát sinh).

+ Phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện rà soát, tính toán và thông báo nộp tiền thuế, tiền phí đối với tổ chức, cá nhân có phát sinh hồ sơ khai thác khoáng sản.

+ ~~Đẩy mạnh việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 16/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hoạt động kinh doanh lưu trú.~~

+ Tăng cường kiểm tra, xử lý nghiêm các đối tượng có hành vi không kê khai hoặc kê khai không đúng doanh thu, kê khai giá bán không đúng thực tế, bán hàng không lập hóa đơn, bỏ ngoài sổ sách kế toán, trốn thuế, gian lận thuế.

+ Thực hiện tốt các cuộc thanh tra, kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế, chủ động phân tích thông tin chuyên sâu người nộp thuế, vạch ra nội dung cần kiểm tra trước khi thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra.

+ Chủ động rà soát, quản lý từng đối tượng nộp thuế, kịp thời cập nhật, kiến nghị cấp có thẩm quyền điều chỉnh lại đơn giá tính thu tiền thuê đất của các tổ chức, cá nhân thuê đất khi đã hết chu kỳ cho thuê đất; chủ động tham mưu cho UBND huyện các biện pháp để chỉ đạo chống thất thu, bỏ sót nguồn thu.

+ Thường xuyên đánh giá tiến độ thu thuế và rà soát từng nguồn thu sắc thuế, tăng cường thực hiện đồng bộ các giải pháp thu ngân sách, phấn đấu thu đạt chỉ tiêu kế hoạch năm 2018. Truy thu nợ thuế và kiên quyết cưỡng chế đối với các tổ chức, cá nhân chây ì, cố tình nợ thuế (đối với các doanh nghiệp đã nghỉ kinh doanh).

- **Trung tâm phát triển quỹ đất:** Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan, UBND các xã, thị trấn khẩn trương thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các khu dân cư để phát triển quỹ đất tạo nguồn tăng thu ngân sách nhà nước bố trí đầu tư cho các dự án, công trình trọng điểm của huyện. Đồng thời, chủ động phối hợp với các cơ quan thực hiện hoàn thành các thủ tục để kịp thời tổ chức bán đấu giá các lô đất đủ điều kiện.

- **Phòng Tài nguyên và Môi trường:**

+ Tăng cường kiểm tra, quản lý tốt hoạt động khai thác khoáng sản (cát, đất, đá) trên địa bàn huyện; xử lý các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản trái phép, khai thác không đúng thiết kế khai thác, sai nội dung giấy phép,...

+ Phối hợp cung cấp thông tin, xác định khối lượng khai thác khoáng sản để Chi cục thuế đôn đốc các doanh nghiệp kê khai và kiểm tra việc kê khai, nộp thuế theo quy định.

- **Ban Quản lý Cụm công nghiệp:** Chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan có trách nhiệm đôn đốc, theo dõi, hướng dẫn các doanh nghiệp và các cơ sở kinh doanh nộp tiền huy động đóng góp xây dựng công trình Xử lý nước thải tập trung Khu chế biến thủy sản Tam Quan Bắc theo phương án đã được phê duyệt tại

Quyết định số 2406/QĐ-UBND ngày 10/5/2016 của Chủ tịch UBND huyện. Đồng thời, tham mưu UBND huyện xử lý các trường hợp cố tình không thực hiện nghĩa vụ tài chính.

- **Đội quản lý thị trường số 1:** Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát thị trường; chống sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng, việc thực hiện niêm yết giá và bán theo giá niêm yết; kiểm tra, xử lý vi phạm trong hoạt động kinh doanh xăng dầu, bán hàng không qua trụ bơm có kiểm soát đồng hồ tổng, nhất là các đơn vị cung cấp dầu cho tàu cá.

**- Công an huyện Hoài Nhơn:**

+ Thường xuyên kiểm tra, nắm tình hình và xử lý các đối tượng buôn lậu xăng dầu, khai thác khoáng sản trái phép, sai nội dung giấy phép,...

+ Phối hợp với Chi cục thuế thực hiện các biện pháp thu thuế đối với các đơn vị dịch vụ vận tải; kiểm tra hoạt động kinh doanh lưu trú trên địa bàn huyện theo Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 16/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh; kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm.

- **Các đơn vị đại diện chủ đầu tư (BQL dự án ĐTXD, phòng Giáo dục đào tạo,...) và UBND các xã, thị trấn:**

+ Phối hợp triển khai có hiệu quả Quyết định số 7480/QĐ-UBND ngày 11/8/2017 của UBND huyện về việc ban hành Quy chế phối hợp trong công tác thu, nộp ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện và Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 23/3/2018 của UBND huyện về việc triển khai thực hiện Quy chế phối hợp trong công tác thu, nộp ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện Hoài Nhơn.

+ Rà soát lại các khoản thu trên địa bàn; tích cực đôn đốc thu nộp kịp thời vào ngân sách, khai thác các khoản thu còn tiềm năng.

**3.2/ Về chi ngân sách:**

- Việc điều hành dự toán chi ngân sách 06 tháng cuối năm phải bảo đảm nguyên tắc có thu có chi. Trường hợp nguồn thu không đảm bảo chi thì cần phải có sự điều chỉnh cho phù hợp trên cơ sở thứ tự ưu tiên; cắt giảm những công việc chi chưa thật sự cần thiết. Tập trung các nguồn lực để đảm bảo cân đối chi cho các khoản theo chế độ, không để nợ lương, các khoản phụ cấp theo lương cũng như các chính sách an sinh xã hội.

- Các đơn vị dự toán phải tự sắp xếp chi trong dự toán đã giao và chi đề nghị **bổ sung cho những nhiệm vụ chi khi thấy thực sự cần thiết.**

- Tổ chức điều hành, quản lý chi ngân sách trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước đã được HĐND các cấp thông qua và trên cơ sở khả năng thu của ngân sách. Chủ động rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi; lồng ghép các chính sách, tiết kiệm triệt để các khoản chi ngay từ khâu phân bổ dự toán và cả trong quá trình thực hiện; giảm tối đa kinh phí tổ chức lễ hội, hội nghị, hội thảo, khánh tiết; đẩy mạnh cải cách hành chính trong quản lý chi ngân sách nhà nước.

- Triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Chủ động trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ để hạn chế các cuộc họp không cần thiết, thực hiện lồng ghép các nội dung, công việc cần xử lý, cân nhắc thành phần, số lượng người tham dự phù hợp,

đảm bảo tiết kiệm hiệu quả; phấn đấu tiết kiệm tối thiểu 12% các khoản chi hội nghị, chi tiếp khách, khánh tiết, tổ chức lễ hội, xăng xe, điện, nước, văn phòng phẩm, sách, báo, tạp chí.

### **PHẦN THỨ III:**

## **TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XDCB 6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2018**

### **I. Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư XDCB 6 tháng đầu năm:**

#### **1. Kết quả thực hiện về giá trị khối lượng:**

Giá trị khối lượng xây dựng 6 tháng đầu năm 2018 ước đạt 114,440 tỷ đồng, bằng 50,4% kế hoạch năm (227,052 tỷ đồng).

#### **2. Kết quả triển khai thực hiện các dự án cụ thể:**

2.1. Có 09 dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, gồm: Xây dựng mốc giới các tuyến đường ra biển (Bồng Sơn – Hoài Xuân – Hoài Hương, Tài Lương – Ca Công, Thái Lợi); Chính trang khu dân cư và mở rộng sân vận động Bồng Sơn (cũ); Chính trang công viên trước UBND huyện Hoài Nhơn; Nâng cấp, mở rộng đường Bạch Đằng (đoạn từ đường 28/3 đến đường Nguyễn Trân và nút giao thông 28/3 đến đê bao); Sửa chữa nhà làm việc Huyện ủy (giai đoạn 1); Xây dựng tuyến đường và hệ thống điện vào khu SH02-BĐ13 thuộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, hạng mục: Hệ thống điện; Đường BTXM vào trường THPT chuyên Chu Văn An; Trường Tiểu học số 1 Tam Quan Bắc, hạng mục: Nhà hiệu bộ; Đền thờ Liệt sỹ huyện Hoài Nhơn (giai đoạn 2); Hạng mục: Chòi nghỉ chân; sân vườn; bồn hoa; cây cảnh; hệ thống cấp thoát nước; hệ thống phòng cháy, chữa cháy; hệ thống điện chiếu sáng.

2.2. Có 05 công trình đã thi công xong chờ bàn giao đưa vào sử dụng: Kè chống xói lở thôn Công Thạnh (giai đoạn 2), xã Tam Quan Bắc (bổ sung 1900m bê tông mặt kè); Kè chống xói lở thôn Thạnh Xuân Đông (giai đoạn 3); Kè bảo vệ khu dân cư dọc bờ sông Hoài Hải, đoạn từ thôn Kim Giao Nam đến thôn Kim Giao Bắc (giai đoạn 1); Kè chống sạt lở Nam Sông Lại Giang (đoạn từ Kè cũ đến Cầu Phao); Đường từ Quốc lộ 1A đến khu di tích danh nhân văn hóa Đào Duy Từ (giai đoạn 2).

2.3. Dự án đang xây dựng dở dang, giá trị khối lượng ước đạt khoảng 20÷90%, có 28 dự án gồm: Tuyến đường dọc kênh Lại Giang, thị trấn Bồng Sơn (đoạn từ nhà thờ Tin Lành đến cầu số 4), huyện Hoài Nhơn - Hạng mục: Đoạn từ đường vào khu chợ Bồng Sơn đến cầu số 4 (giai đoạn 2); Nạo vét khơi thông luồng, kết hợp tận thu cát nhiễm mặn khu vực cửa biển Tam Quan (giai đoạn 2); Xây dựng tuyến đường và hệ thống điện vào khu SH02-BĐ13 thuộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Nâng cấp, cải tạo nút giao thông Hai Bà Trưng; Tuyến đường từ Quốc lộ 1A cũ đến Gò Dài và khu dân cư dọc tuyến, xã Tam Quan Bắc; Khu TĐC vùng thiên tai Bàu Rong, thị trấn Bồng Sơn (gđ 1); Hệ thống kênh mương 3 Bàu, Thiện Đức (đoạn bổ sung 900m); Kè chống sạt lở khu dân cư Phú An - Hoài Hương (giai đoạn 2); Khắc phục đê kè chống xói lở bờ biển Tam Quan; Đường Đê Bao đến đường Nguyễn Trân (đường giữa Huyện ủy và Kho bạc Nhà nước Hoài Nhơn); Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu hành chính – dịch vụ và dân cư tuyến đường Bạch Đằng (giai đoạn 1 – kỳ 2); Hạ tầng kỹ thuật mặt bằng Lô A6 - Cụm công nghiệp Bồng Sơn (giai đoạn 02); Hạng mục: Hệ thống thoát nước và Đường giao thông; Sửa chữa nhà làm việc Huyện ủy (giai đoạn

2); Hạng mục: Lát đá Granite sân sau; Sửa chữa, nâng cấp Trần Bông Chức xã Hoài Phú; Trường THCS Hoài Hương; Hạng mục: Nhà bộ môn 02 tầng 06 phòng; Trường THCS Tam Quan, Hạng mục: Nhà bộ môn 02 tầng 06 phòng; Trường Tiểu học số 1 Tam Quan, Hạng mục: Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng; Đường kết nối Quốc lộ 1 cũ và Quốc lộ 1 mới, tại km1145+540 trên địa bàn thị trấn Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định; Di tích lịch sử địa điểm lưu niệm cuộc biểu tình năm 1931 tại cây số 7 Tài Lương, xã Hoài Thanh Tây; Kè chống sạt lở Sông Xương - xã Hoài Thanh Tây; Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Bùi Thị Xuân, thị trấn Bồng Sơn; Kè chống sạt lở bờ sông, đoạn từ thôn Mỹ Thọ tiếp giáp thôn Khánh Trạch, xã Hoài Mỹ; Trần phân lũ Ao Quyền, xã Hoài Châu, huyện Hoài Nhơn; Cầu dân sinh kết nối Trường THPT chuyên Chu Văn An với trung tâm thị trấn Bồng Sơn; Sửa chữa nhà làm việc Đài Truyền thanh Hoài Nhơn; Khu TĐC vùng thiên tai Bàu Rong, thị trấn Bồng Sơn (gđ 2) – hạng mục Hệ thống cấp điện và hệ thống cấp nước; Sửa chữa Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Hoài Nhơn; Sửa chữa Trụ sở làm việc Thường trực HĐND và UBND huyện.

2.4. Công trình đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư, dự kiến triển khai xây dựng mới vào 6 tháng cuối năm 2018, có 12 công trình gồm: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tài Lương (xã Hoài Thanh Tây) đi Ca Công (xã Hoài Hương) (gđ1); Nâng cấp tuyến đường dọc bờ kè sông Lại Giang (đoạn từ cầu Bồng Sơn cũ đến giáp đường ĐT630); Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu Hành chính - Dịch vụ và dân cư tuyến đường Bạch Đằng, thị trấn Bồng Sơn (giai đoạn 2); Trường Tiểu học số 2 Hoài Tân, Hạng mục: Nhà lớp học 02 tầng 12 phòng; Quảng trường huyện Hoài Nhơn; Kè chống xói lở bờ Nam sông Lại Giang (đoạn từ cầu đường sắt đến Cầu Ông Châu); Kè từ cầu Kho dầu đến cồn Ông Phong, HM: Bổ sung đoạn kè dài khoảng 1.300m; Đường kết nối điểm TĐC số 5 với đường BTXM xã Hoài Tân; Hạ tầng kỹ thuật tuyến đường QL1 cũ (Quang Trung), thị trấn Bồng Sơn; Tuyến đường Bồng Sơn - Hoài Xuân - Hoài Hương; Hạ tầng kỹ thuật CNN Bồng Sơn (giai đoạn 2); hạng mục Xây dựng tuyến đường số 2, mặt đường số 3; Cung cấp chuồng, trồng phục vụ cử hành lễ tại Đền thờ Liệt sỹ huyện Hoài Nhơn;

2.5. Các công trình lập quy hoạch và chuẩn bị đầu tư đã triển khai hợp đồng với các đơn vị tư vấn để tiến hành lập nhiệm vụ khảo sát lập dự án đầu tư, lập quy hoạch, gồm: Quy hoạch chung tỷ lệ 1/2000 khu chức năng đặc thù dự án khu tái định cư, dịch vụ, thương mại dọc bờ biển huyện Hoài Nhơn; Lập quy hoạch chi tiết 1/500 khu dịch vụ hậu cần nghề cá khu Gò Dài xã Tam Quan Bắc. (2 giai đoạn); Lập quy hoạch và dự án xây dựng Khu di tích Danh nhân văn hóa Đào Duy Từ; Lập Quy hoạch Di tích vụ thăm sát tại nhà thờ Thác Đá Hạ, xã Hoài Đức, huyện Hoài Nhơn; Lập Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 hạ tầng kỹ thuật ven sông Lại Giang thuộc Khối 3, thị trấn Bồng Sơn; Lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 và dự án đầu tư xây dựng công trình Nạo vét luồng tàu khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Tam Quan, huyện Hoài Nhơn.

2.6. Các công trình xây dựng mới phòng lớp học, nhà hiệu bộ, nhà vệ sinh, tường rào cổng ngõ và sửa chữa lớn các trường lớp học trên địa bàn huyện trong kế hoạch năm 2018 đã hoàn thành hồ sơ chuẩn bị đầu tư, được cấp thẩm quyền phê duyệt quyết định đầu tư, đang triển khai các bước tiếp theo để tiến hành xây dựng, sửa chữa nhằm hoàn thành kịp đưa vào sử dụng đầu năm học 2018 - 2019.

2.7. Chương trình xây dựng bê tông giao thông nông thôn: Hiện nay các xã, thị trấn đang triển khai đầu tư xây dựng theo kế hoạch đã được tỉnh phê duyệt theo chương trình bê tông giao thông nông thôn năm 2018 tại Quyết định số 490/QĐ-UBND ngày 12/02/2018 với tổng số 83,646 Km gồm có: 0,667 Km đường loại A; 32,464 Km đường loại B; 19,805 Km đường loại C và 30,70 Km đường loại D.

2.8. Chương trình kiên cố hóa kênh mương: Hiện nay các xã, thị trấn đã và đang triển khai kế hoạch đầu tư xây dựng mới 19,294 Km kênh mương để phục vụ tưới 1.216,1 ha diện tích trên địa bàn huyện theo chương trình hỗ trợ của tỉnh tại Quyết định số 1140/QĐ-UBND ngày 05/4/2018.

Trên cơ sở đề nghị của phòng Kinh tế, UBND huyện đã phê duyệt danh mục công trình kiên cố hóa kênh mương năm 2018 tại Quyết định số 3485/QĐ-UBND ngày 25/5/2018 với Tổng chiều dài 5,0 Km (Hoài Đức 1,149 Km; Hoài Xuân 1,251 Km; Hoài Phú 1,0 Km; Hoài Mỹ 1,60 Km).

2.9. Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững:

Thực hiện Quyết định số 902/QĐ-UBND ngày 22/3/2018 của UBND tỉnh Bình Định về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2018, UBND huyện đã chỉ đạo phòng ban chuyên môn hướng dẫn, đôn đốc các xã được hỗ trợ các nguồn vốn trên hoàn thiện các thủ tục, hồ sơ cần thiết tiến hành đầu tư các công trình xây dựng cơ bản trên địa bàn.

2.10. Chương trình mục tiêu quốc gia về nông thôn mới:

UBND huyện đã giao cho các phòng chuyên môn thực hiện phối hợp với UBND các xã, thị trấn tiến hành lập các bước thủ tục đầu tư (theo tinh thần Luật Đầu tư công) để thống nhất danh mục công trình đầu tư và báo cáo thông qua Sở kế hoạch đầu tư để tổng hợp trình UBND tỉnh Quyết định phân bổ kinh phí hỗ trợ cho các xã xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn tới.

### 3. Đánh giá chung

Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2018 được các ngành, địa phương triển khai thực hiện một cách tích cực, đồng bộ, bảo đảm kế hoạch đề ra; dự án hoàn thành tổ chức bàn giao đưa vào sử dụng đúng quy định; công trình hoàn thành đưa vào sử dụng phát huy hiệu quả tốt, đạt được mục tiêu đề ra.

Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại và khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện, đó là:

- Do nguồn vốn hỗ trợ của cấp trên có hạn, không đáp ứng được yêu cầu của cả dự án, nên quá trình chuẩn bị đầu tư phải điều chỉnh nhiều lần, dẫn đến công trình chậm phát huy hiệu quả.

- Công tác GPMB có những công trình vẫn còn kéo dài do có nhiều nguyên nhân thực hiện chậm, trong đó có một số hộ dân đòi hỏi quá mức; việc quản lý đất đai còn chưa chặt chẽ, gây trở ngại cho công tác GPMB, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai dự án.

- Tình hình nợ vốn đầu tư xây dựng cơ bản còn cao, một số xã, thị trấn chưa tích cực khai thác nguồn để ưu tiên trả nợ, nhưng lại có xu hướng tiếp tục xây dựng công trình mới; báo cáo đề xuất chủ trương và vốn đầu tư cho một số công trình xây



dụng mới thiếu khả thi; vốn đối ứng của xã, thị trấn cho công trình chưa được thực hiện theo cam kết.

- Chưa thực hiện nghiêm túc quy trình đầu tư theo Luật đầu tư công; vẫn còn tình trạng triển khai dự án thiếu hồ sơ thủ tục quy định.

- Công tác quyết toán vốn đầu tư thực hiện còn chậm, công tác báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất về thực hiện đầu tư xây dựng ở các xã, thị trấn chưa thật sự nghiêm túc.

**B/ Nhiệm vụ 6 tháng cuối năm:**

1. Đôn đốc các đơn vị thi công có biện pháp đẩy nhanh tiến độ thi công công trình theo hợp đồng. Các chủ đầu tư cần có biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đồng thời có biện pháp xử lý nghiêm đối với các nhà thầu thiếu trách nhiệm.

2. Tháo gỡ khó khăn trong lĩnh vực đất đai, để thu đạt kế hoạch nguồn cấp quyền sử dụng đất; có biện pháp thu hồi vốn đầu tư hạ tầng các cụm công nghiệp.

3. Các công trình do huyện, xã, thị trấn làm chủ đầu tư chủ động, tích cực chuẩn bị nguồn vốn đối ứng thuộc trách nhiệm ngân sách cấp mình.

4. Có kế hoạch tổ chức lớp tập huấn phổ biến các quy định về Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu cũng như các nghị định, thông tư hướng dẫn kèm theo các bộ luật này tạo điều kiện cho cán bộ các xã, thị trấn và một số đơn vị hành chính trên địa bàn huyện nắm rõ và thực hiện đúng theo tinh thần của các bộ luật nêu trên, qua đó rút ngắn hơn nữa thời gian thực hiện các thủ tục hành chính trong công tác đầu tư xây dựng cơ bản.

Trên đây là nội dung báo cáo của UBND huyện tại kỳ họp thứ 7, HĐND huyện khóa XI. / *10/6*

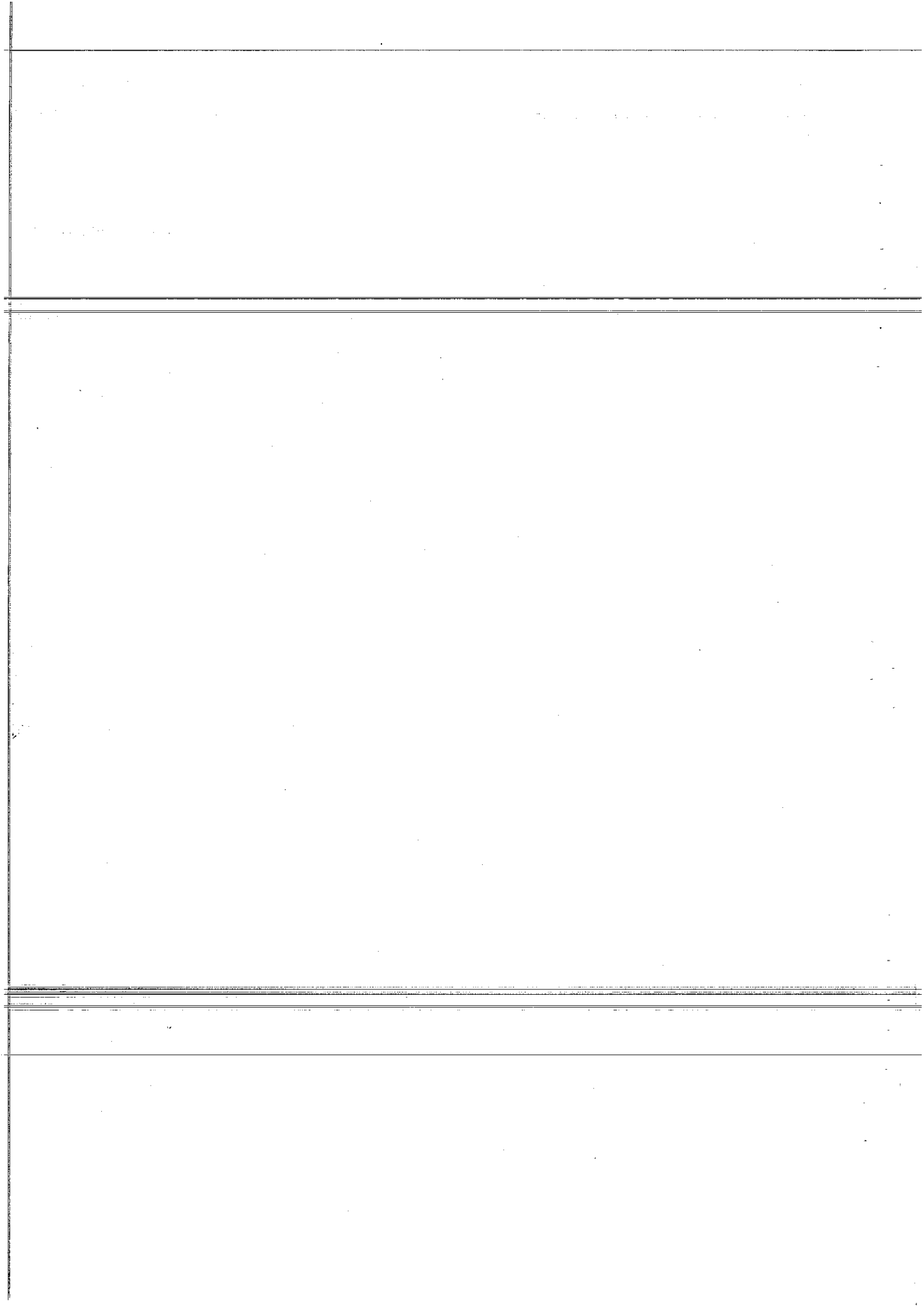
**Nơi nhận:**

- TT. Huyện ủy;
- HĐND huyện;
- Lưu. VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN  
CHỦ TỊCH**



**Cao Thanh Thương**





Tên chi tiêu	Dự toán năm		Quyết toán	Phân chia theo từng cấp ngân sách					So sánh QT/DT (%)	
	Tỉnh giao	UBND huyện quyết định		Thu NSTW	Thu NS Tỉnh	Thu NS Huyện	Thu NS xã	Tỉnh giao	UBND huyện quyết định	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp			-							
- Thuế tài nguyên			-							
- Thuế TTDB hàng SX trong nước			-							
- Thuế môn bài			-							
- Thu khác			-							
- Tiền thuế mặt đất, mặt nước			433.047.299			433.047.299				
<b>4. Thu từ khu vực kinh tế ngoài QĐ</b>	<b>143.720.000.000</b>	<b>143.720.000.000</b>	<b>120.686.073.795</b>	<b>955.444.987</b>	<b>949.164.146</b>	<b>111.539.256.133</b>	<b>7.242.208.529</b>	<b>84</b>	<b>84</b>	
- Thuế giá trị gia tăng	113.400.000.000	113.400.000.000	94.989.323.651			88.702.889.541	6.286.434.110	84	84	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.790.000.000	21.790.000.000	18.653.343.976			17.727.369.557	925.974.419	86	86	
- Thuế tài nguyên	6.500.000.000	6.500.000.000	4.771.465.375			4.771.465.375		73	73	
- Thuế TTDB hàng SX trong nước	500.000.000	500.000.000	949.164.146		949.164.146			190	190	
- Thuế môn bài			54.800.000			25.000.000	29.800.000			
- Thu khác	1.530.000.000	1.530.000.000	1.267.976.647	955.444.987		312.531.660		83	83	
<b>5. Thuế thu nhập cá nhân</b>	<b>17.610.000.000</b>	<b>19.610.000.000</b>	<b>17.505.570.728</b>		<b>508.038.368</b>	<b>16.997.532.360</b>		<b>99</b>	<b>89</b>	
<b>6. Lệ phí trước bạ</b>	<b>21.000.000.000</b>	<b>21.000.000.000</b>	<b>13.814.521.087</b>			<b>11.730.397.838</b>	<b>2.084.123.249</b>	<b>66</b>	<b>66</b>	
<b>7. Phí xăng dầu</b>			-							
<b>8. Thu phí, lệ phí</b>	<b>7.540.000.000</b>	<b>7.540.000.000</b>	<b>7.643.748.421</b>	<b>946.387.690</b>	<b>567.014.675</b>	<b>3.452.765.256</b>	<b>2.677.580.800</b>	<b>101</b>	<b>101</b>	
Bao gồm: - Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước trung ương thu			946.387.690	946.387.690						
- Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước địa phương thu	7.540.000.000	7.540.000.000	6.697.360.731		567.014.675	3.452.765.256	2.677.580.800	89	89	
Trong đó: + Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	2.120.000.000	2.120.000.000	1.830.767.563			1.830.767.563		86	86	
+ Lệ phí môn bài	3.070.000.000	3.070.000.000	2.500.273.800		6.000.000	874.173.800	1.620.100.000	81	81	
<b>9. Thuế nhà đất, thuế đất phi NN</b>	<b>500.000.000</b>	<b>500.000.000</b>	<b>822.737.819</b>				<b>822.737.819</b>	<b>165</b>	<b>165</b>	
<b>10. Tiền thuế mặt đất, mặt nước</b>	<b>4.200.000.000</b>	<b>4.200.000.000</b>	<b>7.338.140.739</b>		<b>2.551.334.200</b>	<b>4.786.806.539</b>		<b>175</b>	<b>175</b>	
<i>Trước: Ghi thu ghi chi tiền thuế đất</i>			<i>625.363.847</i>			<i>625.363.847</i>				

Tên chỉ tiêu	Dự toán năm		Quyết toán	Phân chia theo từng cấp ngân sách				So sánh QI/DIT (%)	
	Tính giao	HDND huyện quyết định		Thu NSTW	Thu NS Tỉnh	Thu NS Huyện	Thu NS xã	Tính giao	HDND huyện quyết định
11. Thuế sử dụng đất nông nghiệp			31.519.000						
12. Thu tiền sử dụng đất	50.000.000.000	51.750.000.000	128.256.325.951		128.256.325.951			257	248
13. Thu tại xã:	8.150.000.000	8.150.000.000	13.641.137.844	-	-			167	167
- Thu hoa lợi ĐCI, ĐC	8.150.000.000	8.150.000.000	4.303.234.602					53	53
Trong đó: Thu đền bù đất công ích			291.218.000						
- Thu phạt, tịch thu			527.571.900						
- Thu hồi khoản chi năm trước			100.321.060						
- Thu khác tại xã			8.710.010.282						
14. Thu khác ngân sách	4.500.000.000	7.400.000.000	8.557.551.002	3.354.705.136	473.595.065	4.729.250.801	-	190	116
- Thu phạt	2.300.000.000	2.300.000.000	4.419.966.436	3.320.065.936	367.620.000	732.280.500		192	192
Trong đó: Thu phạt ATGT	2.300.000.000	2.300.000.000	2.241.671.000	2.241.671.000				97	97
- Thu tịch thu			19.257.000	19.257.000					
- Thu hồi khoản chi năm trước			316.429.556	15.099.200	105.975.065	195.355.291			
- Thu hồi vốn đầu tư hạ tầng và KP GPMB các cụm CN		1.200.000.000	1.972.892.091			1.972.892.091			164
- Thu khác còn lại	2.200.000.000	3.900.000.000	1.829.005.919	283.000		1.828.722.919		83	47
15. Thu cấp quyền khai thác			221.290.000		221.290.000				
16. Thu tiền bán, thuê, khấu hao nhà ở thuộc sở hữu nhà nước			26.088.000			26.088.000			
II. THU HUY ĐỘNG, ĐÓNG GÓP			13.617.841.763			1.845.651.000	11.772.190.763		
Trở: + Thu đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng trong khai thác đá xây dựng của HTX sản xuất đá xây dựng Bình Đê			832.289.000				832.289.000		
+ Thu đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng trong khai thác đá xây dựng của công ty TNHH đầu tư và xây dựng Trường Thịnh			250.000.000				250.000.000		

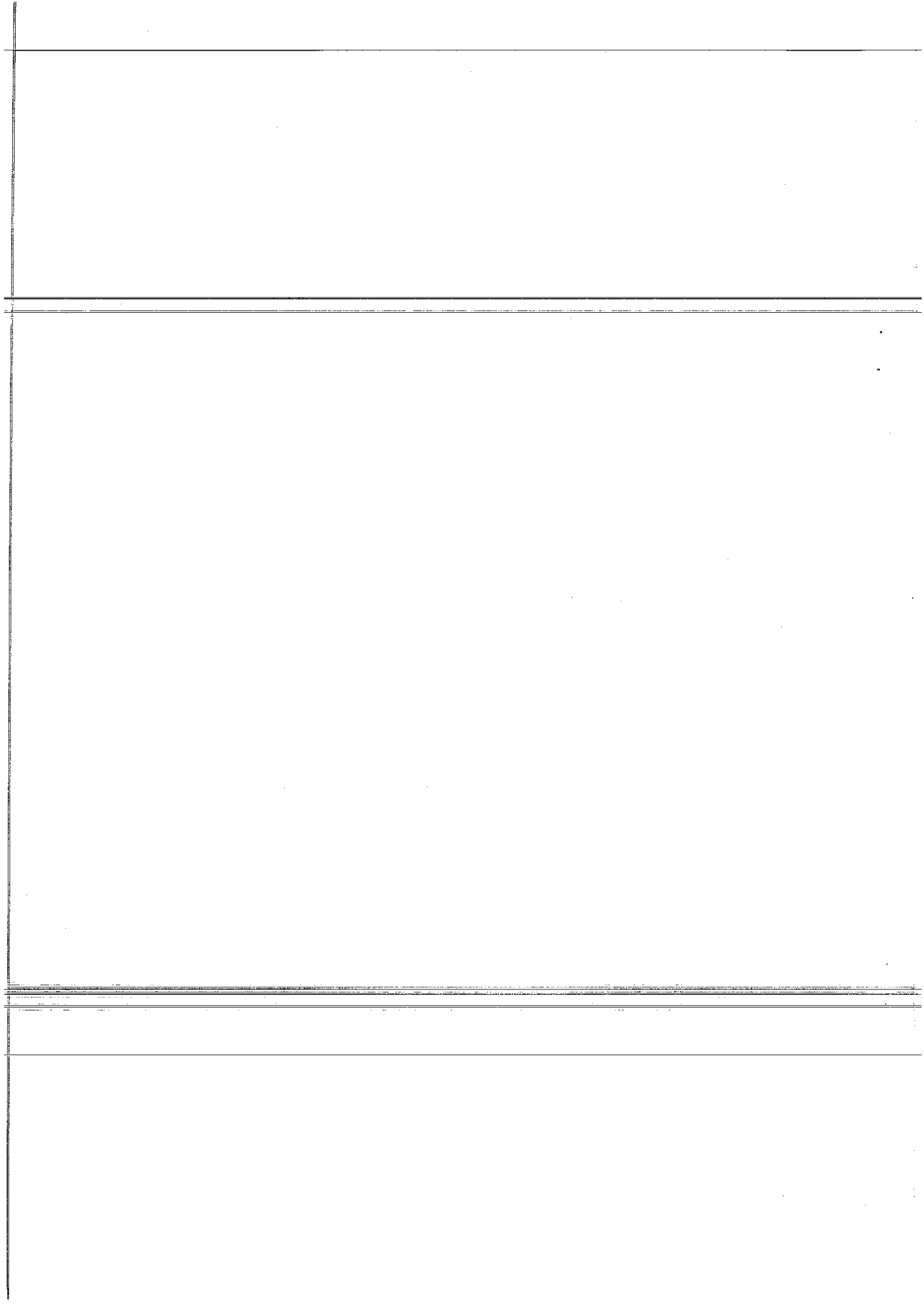
Tên chỉ tiêu	Dự toán năm		Quyết toán	Phân chia theo từng cấp ngân sách					So sánh Q/T/D/T (%)	
	Tỉnh giao	HĐND huyện quyết định		Thu NSTW	Thu NS Tỉnh	Thu NS Huyện	Thu NS xã	Tỉnh giao	HĐND huyện quyết định	
+ Thu đóng góp xây dựng công trình Xứ lý nước thải tập trung Khu chế biến thủy sản Tam Quan Bắc			90.177.000			90.177.000				
+ Thu huy động đóng góp xây dựng Đền thờ Liệt sỹ huyện			1.755.474.000			1.755.474.000				
<b>B. Thu kết dư năm trước</b>			<b>18.346.962.575</b>			<b>6.159.207.156</b>		<b>12.187.755.419</b>		
<b>C. Thu chuyển nguồn</b>			<b>93.300.160.572</b>			<b>71.642.892.599</b>		<b>21.657.267.973</b>		
<b>D. THU CHUYỂN GIAO NGÂN SÁCH</b>			<b>266.174.000.000</b>		<b>2.850.003.355</b>	<b>390.345.862.170</b>		<b>178.246.400.174</b>	<b>215</b>	<b>215</b>
<b>I. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>			<b>266.174.000.000</b>			<b>390.105.257.570</b>		<b>178.246.400.174</b>	<b>214</b>	<b>214</b>
<b>1. BS cân đối</b>			<b>202.946.000.000</b>			<b>202.946.000.000</b>		<b>51.320.000.000</b>	<b>125</b>	<b>125</b>
<b>2. BS mục tiêu</b>			<b>63.228.000.000</b>			<b>187.159.257.570</b>		<b>126.926.400.174</b>	<b>497</b>	<b>497</b>
- BS có mục tiêu bằng nguồn vốn trong nước			63.228.000.000			187.159.257.570		126.926.400.174	497	497
<i>Tỷ lệ: Ghi thu ghi chi khoản bổ sung có mục tiêu của tỉnh</i>			<i>1.721.244.000</i>			<i>1.721.244.000</i>				
- BS có mục tiêu bằng nguồn vốn ngoài nước			-							
<b>II. Thu từ NS cấp dưới nộp lên</b>			<b>3.090.607.955</b>		<b>2.850.003.355</b>	<b>240.604.600</b>				



	Tên chi tiêu	Dự toán năm		Quyết toán năm			So sánh QT/DT (%)	
		Tính giao	HBND huyện quyết định	Tổng số chi NSDP	Chi NS cấp huyện	Chi NS cấp xã	Tính giao	HBND huyện quyết định
A	B	1	2	3=4+5	4	5	6=3/1	7=3/2
	+ Chi tiền ăn trưa cho trẻ em 3-5 tuổi		3.423.000.000	4.980.600.000	4.980.600.000			146
	+ Kinh phí thực hiện chế độ chi trả học bổng và hỗ trợ mua sắm phương tiện, đồ dùng học tập cho người khuyết tật năm 2014, 2015, 2016 theo quy định tại Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC			201.725.000	201.725.000			
	+ Kinh phí miễn thu học phí học kỳ II năm 2016-2017 đối với học sinh là con các gia đình bị thiệt hại nặng do lũ lụt năm 2016			7.574.333.750	7.574.333.750			
	+ Kinh phí thực hiện chính sách tình giám biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ			685.795.946	685.795.946			
4	Chi sự nghiệp đào tạo	1.328.000.000	1.328.000.000	1.891.328.000	1.414.824.500	476.503.500	142	142
	<i>Trong đó: Chi đào tạo nghề cho lao động nông thôn</i>			1.163.216.000	1.163.216.000			
5	Chi khoa học và công nghệ	280.000.000	280.000.000	275.392.000	275.392.000		98	98
6	Chi y tế, dân số và gia đình			107.341.400		107.341.400		
7	Chi Văn hóa - Thông tin - Thể thao		4.471.000.000	4.095.135.554	1.613.496.120	2.481.639.434		92
8	Chi phát thanh, truyền hình, thông tin		1.750.000.000	1.790.208.259	1.103.003.077	687.205.182		102
9	Chi sự nghiệp môi trường		1.200.000.000	269.793.556	212.618.556	57.175.000		22
10	Chi các hoạt động kinh tế	134.031.000.000	29.333.000.000	28.312.144.960	22.910.251.077	5.401.893.883	21	97
11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	4.228.000.000	82.281.000.000	95.821.921.627	29.254.870.618	66.567.051.009	2.266	116
12	Chi bảo đảm xã hội	32.990.000.000	40.475.000.000	92.311.932.132	64.834.236.478	27.477.695.654	280	228
	<i>Trong đó: + Kinh phí thực hiện chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội</i>	32.990.000.000	32.990.000.000	72.680.234.250	56.645.669.250	16.034.565.000	220	220



	Tên chỉ tiêu	Dự toán năm		Quyết toán năm			So sánh QT/DT (%)	
		Tỉnh giao	HDND huyện quyết định	Tổng số chi NSĐP	Chi NS cấp huyện	Chi NS cấp xã	Tỉnh giao	HDND huyện quyết định
		1	2	3=4+5	4	5	6=3/1	7=3/2
A	B							
	+ Kinh phí xây mới nhà ở cho những gia đình thuộc diện chính sách có nhà ở bị dột nát, hư hỏng bị ảnh hưởng trong đợt lũ tháng 11&12 năm 2016			9.000.000.000		9.000.000.000	9.000.000.000	
	+ Kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội			2.780.897.000		2.780.897.000		
13	Kinh phí mua sắm tài sản các đơn vị		1.000.000.000			954.211.000		95
14	Chi khác		844.000.000			2.463.493.621		292
15	Kinh phí tổ chức các ngày lễ lớn		300.000.000			298.289.130		99
IV	Dự phòng chi	9.200.000.000	9.200.000.000	2.476.118.000		1.743.952.000	732.166.000	27
V	Chi chuyển nguồn			97.083.126.412		65.451.445.951	31.631.680.461	
B	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	0	0	178.246.400.174		178.246.400.174	-	
1	Bổ sung cân đối			51.320.000.000		51.320.000.000		
2	Bổ sung có mục tiêu			126.926.400.174		126.926.400.174		
	Trở: - Bằng nguồn vốn trong nước			126.926.400.174		126.926.400.174		
	- Bằng nguồn vốn ngoài nước			0		0		
C	CHI NỘP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	519.904.000.000	526.554.000.000	3.090.607.955	2.850.003.355	2.850.003.355	240.604.600	183
	TỔNG SỐ			965.361.730.051	732.915.366.083	732.915.366.083	232.446.363.968	186



**PHỤ LỤC 03: ƯỚC THỰC HIỆN THU CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018**

*(Kèm theo Báo cáo số 138/BC-UBND ngày 14/6/2018 của UBND huyện)*

**A/ THU NGÂN SÁCH:**

*DVT: triệu đồng*

Số	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2018	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2018	So sánh Ước TH/DT (%)	Ghi chú
<b>A</b>	<b>THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>353.153</b>	<b>164.822</b>	<b>47</b>	
01	Thuế CTN ngoài Q. doanh	139.015	66.395	48	
a	Thu CTN ngoài QD do cục thuế quản lý	11.000	13.000	118	
b	Thu CTN ngoài QD do Chi cục thuế quản lý	128.015	53.395	42	
-	Thuế GTGT & TNDN	119.615	50.415	42	
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.200	480	40	
-	Thuế Tài nguyên	7.200	2.500	35	
02	Lệ phí trước bạ	23.940	11.733	49	
03	Thuế nhà đất; phí nông nghiệp	600	416	69	
- 04	Phí - lệ phí	7.500	4.545	61	
-	Lệ phí môn bài	2.600	2.545	98	
-	Lệ phí khác	4.900	2.000	41	
05	Thu tiền cấp QSD đất	139.000	58.700	42	
06	Thu tiền thuê đất, nhà và TS thuộc SH NN	4.000	2.387	60	
07	Thu khác ngân sách	18.098	10.739	59	
	<i>Trở: + Thu hồi vốn hạ tầng đầu tư và KP GPMB các cụm CN</i>	<i>1.460</i>	<i>1.661</i>	<i>114</i>	
	<i>+ Thu từ xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực ATGT</i>	<i>3.100</i>	<i>1.350</i>	<i>44</i>	
08	Thu Thuế thu nhập cá nhân	21.000	9.907	47	
<b>B</b>	<b>THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH</b>	<b>270.115</b>	<b>160.057</b>	<b>59</b>	
-	Bổ sung cân đối	202.946	101.473	50	
-	Bổ sung mục tiêu	67.169	58.584	87	
<b>C</b>	<b>THU TẠO NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG TĂNG THÊM</b>	<b>8.145</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>D</b>	<b>THU HUY ĐỘNG, ĐÓNG GÓP</b>		<b>3.006</b>		
<b>E</b>	<b>THU CHUYÊN NGUỒN</b>		<b>97.083</b>		
<b>F</b>	<b>THU NS CẤP DƯỚI NỢP LÊN</b>		<b>620</b>		
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>631.413</b>	<b>425.588</b>	<b>67</b>	

**B/ CHI NGÂN SÁCH:**

Số TT	Nội dung chi	Dự toán năm 2018	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2018	So sánh Ước thực hiện/ DT (%)	Ghi chú
	<b>TỔNG CHI</b>	<b>627.113</b>	<b>345.913</b>	<b>55</b>	
<b>A.</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>154.900</b>	<b>44.641</b>	<b>29</b>	
<b>B.</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>462.425</b>	<b>301.272</b>	<b>65</b>	
<b>I</b>	<b>Chi sự nghiệp kinh tế</b>	<b>21.300</b>	<b>10.792</b>	<b>51</b>	
1	Chi SN Nông nghiệp	776	383	49	
2	Sự nghiệp kiến thiết thị chính	3.127	1.140	36	
3	Chi SN Lâm nghiệp	1.063	475	45	
4	Sự nghiệp giao thông, thủy lợi	400	-	0	
5	Chi SN kinh tế khác	5.024	2.405	48	
6	Kinh phí hoạt động về chương trình nông thôn mới	100	100	100	
7	Kinh phí thực hiện chính sách cấp bù thủy lợi phí	10.710	6.189	58	
8	Hỗ trợ Quỹ hỗ trợ nông dân	100	100	100	
<b>II</b>	<b>Chi SN Môi trường</b>	<b>700</b>	<b>300</b>	<b>43</b>	
-	P. Tài nguyên & MT (Các hoạt động môi trường)	100	100	100	
-	Đội Quản lý trật tự đô thị (Hỗ trợ kp hoạt động tại bãi chôn lấp chất thải rắn huyện)	500	150	30	
-	Chi sự nghiệp môi trường khác	100	50	50	
<b>III</b>	<b>Sự nghiệp khoa học công nghệ</b>	<b>280</b>	<b>100</b>	<b>36</b>	
<b>IV</b>	<b>Chi SN giáo dục</b>	<b>276.506</b>	<b>133.497</b>	<b>48</b>	
1	Sự nghiệp giáo dục thuộc phòng Giáo dục	257.831	125.800	49	
2	Trung tâm giáo dục thường xuyên	3.584	1.877	52	
3	Chi sự nghiệp giáo dục khác	15.091	5.820	39	
<b>V</b>	<b>Chi sự nghiệp đào tạo</b>	<b>478</b>	<b>100</b>	<b>21</b>	
<b>VI</b>	<b>Chi sự nghiệp Văn hóa - Thông tin - Thể thao</b>	<b>2.097</b>	<b>950</b>	<b>45</b>	
<b>VII</b>	<b>Chi SN Truyền thanh - Truyền hình</b>	<b>1.178</b>	<b>620</b>	<b>53</b>	
<b>VIII</b>	<b>Hội Chữ thập đỏ</b>	<b>361</b>	<b>175</b>	<b>48</b>	
<b>IX</b>	<b>Trung tâm phát triển quỹ đất</b>	<b>907</b>	<b>500</b>	<b>55</b>	
<b>X</b>	<b>Chi đảm bảo xã hội</b>	<b>36.891</b>	<b>38.656</b>	<b>105</b>	
<b>XI</b>	<b>Q.Lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể</b>	<b>30.075</b>	<b>16.000</b>	<b>53</b>	
a.	QL nhà nước, Đảng, Đoàn thể	29.275	15.200	52	
b.	HT Các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp	800	800	100	

Số TT	Nội dung chi	Dự toán năm 2018	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2018	So sánh Ước thực hiện/ DT (%)	Ghi chú
<b>XII</b>	<b>Chi An ninh - Quốc phòng</b>	<b>4.555</b>	<b>3.595</b>	<b>79</b>	
a.	An ninh	1.050	550	52	
b.	Quốc phòng	3.505	3.045	87	
<b>XIII</b>	<b>Chi bổ sung NS xã</b>	<b>84.102</b>	<b>94.537</b>	<b>112</b>	
1	Điều tiết thu cho NS xã	23.971	48.002	200	
2	Bổ sung cân đối	51.320	25.660	50	
3	Bổ sung mục tiêu	8.811	20.875	237	
<b>XIV</b>	<b>KP mua sắm tài sản các đơn vị</b>	<b>2.050</b>	<b>700</b>	<b>34</b>	
<b>XV</b>	<b>Chi khác Ngân sách</b>	<b>945</b>	<b>750</b>	<b>79</b>	
<b>C.</b>	<b>Dự phòng chi Ngân sách huyện</b>	<b>9.788</b>		<b>0</b>	

1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31 32 33 34 35 36 37 38 39 40 41 42 43 44 45 46 47 48 49 50 51 52 53 54 55 56 57 58 59 60 61 62 63 64 65 66 67 68 69 70 71 72 73 74 75 76 77 78 79 80 81 82 83 84 85 86 87 88 89 90 91 92 93 94 95 96 97 98 99 100

